

NGƯỜI BỊ HẠI TRONG TỔ TỤNG HÌNH SỰ VIỆT NAM: TIẾP CẬN DỰA TRÊN QUYỀN

ĐINH THỊ MAI *

Tóm tắt: Tiếp cận dựa trên quyền là một phương pháp tiếp cận mới hình thành và phát triển trên thế giới từ những năm 1990. Ở Việt Nam, phương pháp tiếp cận mới này cũng đã được các nhà nghiên cứu áp dụng trong thời gian gần đây, nhất là trong các nghiên cứu về quyền con người, phát triển con người. Bài viết này tìm hiểu về người bị hại, quyền của người bị hại (NBH) dựa trên phương pháp tiếp cận dựa trên quyền, với hy vọng gợi mở một cái nhìn mới trong tiếp cận nghiên cứu về người bị hại trong tố tụng hình sự (TTHS) Việt Nam.

Từ khóa: Quyền con người; người bị hại; quyền của người bị hại; nghĩa vụ thực thi quyền; cơ chế đảm bảo quyền.

1. Tiếp cận dựa trên quyền là gì?

Tiếp cận dựa trên quyền (hay còn gọi là tiếp cận nghiên cứu dựa trên cơ sở quyền, tiếng Anh: Human Rights Based Approach, viết tắt: HRBA) là một phương pháp tiếp cận nghiên cứu mới. Trên thế giới, phương pháp này lần đầu tiên đề cập và khẳng định lợi thế tiếp cận trong nghiên cứu từ những năm 1990⁽¹⁾. Báo cáo của Viện Nghiên cứu về phát triển (ODI) định nghĩa, về mục tiêu phương pháp tiếp cận dựa trên cơ sở quyền con người (còn gọi là phương pháp tiếp cận dựa trên quyền hay tiếp cận dựa trên quyền) “coi trọng việc tôn trọng và đảm bảo các quyền con người”⁽²⁾. Về cách thức, phương pháp tiếp cận dựa trên quyền là phương pháp tiếp cận trong đó dành sự quan tâm như nhau, giữa một bên là nội dung hoạt động và một bên là cách thức thực hiện các hoạt động đó.

Theo đó, nghiên cứu về NBH trong tố tụng hình sự Việt Nam theo cách tiếp cận dựa trên quyền là cách tiếp cận trong đó không chỉ quan tâm tới mục tiêu NBH là ai (khái niệm NBH), NBH có những quyền gì (địa vị pháp lý của NBH) mà còn phải

quan tâm thích đáng (và tương đương) tới: quyền của NBH là gì (khái niệm quyền), chủ thể của quyền, nghĩa vụ thực hiện quyền, và qui trình, cách thức làm sao để NBH thực thi được trên thực tế những quyền đó (cơ chế thực hiện quyền).

Ưu điểm của cách tiếp cận dựa trên quyền là chỉ rõ được chủ thể mang quyền, chủ thể có nghĩa vụ thực thi quyền. Với cách tiếp cận thông thường, các phân tích chỉ nêu rõ được chủ thể mang quyền có những quyền gì, qui định tại đâu, như thế nào, nhưng lại không chỉ rõ được cơ quan nào, ai là người có nghĩa vụ phải đảm bảo thực thi những quyền đó. Bởi quyền là mối quan hệ giữa một cá nhân (hoặc một nhóm cá nhân) được yêu cầu chính đáng đối với cá nhân (hoặc nhóm cá nhân) khác có nghĩa vụ hoặc trách nhiệm liên quan tới yêu cầu đó. Do vậy, nếu không tiếp cận

(*) ThS. NCS Khoa Luật, Phó Trưởng phòng Phòng Quản lý khoa học Học viện Khoa học xã hội.

⁽¹⁾ Xem: GS.TS. Võ Khánh Vinh, *Quyền con người, tiếp cận liên ngành và đa ngành khoa học xã hội*, Sách chuyên khảo, Nxb. Khoa học xã hội, 2010, tr.55, 56.

⁽²⁾ The Overseas Development Institute (ODI), *What can we do with a Right-Based Approach to Development?* ODI Briefing Paper, London, 1999.

phân tích về phía trách nhiệm của bên liên quan là cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng trong việc có nghĩa vụ và trách nhiệm như thế nào, nhằm đảm bảo thực thi quyền của NBH thì các quyền của NBH chỉ có giá trị trên giấy (được qui định) mà không có giá trị thực.

Cần khẳng định, tiếp cận nghiên cứu dựa trên quyền không phải là một khoa học mà chỉ là một hướng tiếp cận nghiên cứu mới. Hướng tiếp cận nghiên cứu này có thể sử dụng trong các ngành khoa học xã hội và nhân văn, trong đó có luật học. Như vậy, nếu diễn đạt một cách đầy đủ, bài viết này đặt vấn đề nghiên cứu về NBH dưới góc độ ngành Luật Hình sự và Luật Tố tụng hình sự, theo hướng tiếp cận dựa trên quyền (khác với nghiên cứu về người bị hại, ngành Quyền con người hoặc các ngành khoa học khác).

So sánh phương pháp tiếp cận dựa trên quyền và phương pháp tiếp cận nghiên cứu truyền thống về người bị hại trong TTHS cho thấy:

+ Phương pháp tiếp cận của ngành Luật Hình sự và Luật Tố tụng hình sự truyền thống nghiên cứu: Khái niệm NBH; Đặc điểm của NBH; Phân loại NBH; Địa vị pháp lý của người bị hại (người bị hại có quyền và nghĩa vụ pháp lý gì? Qui định ở đâu? Nội dung của các qui định đó như thế nào?).

+ Phương pháp tiếp cận ngành Luật Tố tụng hình sự dựa trên quyền nghiên cứu: Khái niệm NBH; Phân loại NBH; Khái niệm quyền của NBH; Chủ thể quyền; Nghĩa vụ thực thi quyền; Cơ chế bảo đảm quyền.

Tuy nhiên, ngoài hướng tiếp cận dựa trên quyền, và phương pháp tiếp cận luật học truyền thống, còn có các phương pháp nghiên cứu liên ngành và đa ngành luật học, phương pháp nghiên cứu liên ngành

và đa ngành khoa học xã hội khác⁽³⁾.

2. Người bị hại, phân loại người bị hại dựa trên quyền

2.1. Khái niệm người bị hại

Để có sự nhận thức đầy đủ và thống nhất về khái niệm người bị hại và hiểu rõ hơn sự khác nhau giữa phương pháp tiếp cận dựa trên quyền với các phương pháp tiếp cận khác, chúng tôi so sánh khái niệm NBH dưới các cách tiếp cận khác nhau gồm: dưới góc độ ngôn ngữ, dưới góc độ luật học so sánh, dưới góc độ luật hình sự, luật tố tụng hình sự (truyền thống), và tiếp cận dựa trên quyền.

2.1.1. *Tiếp cận dưới góc độ ngôn ngữ*, NBH được hiểu là người bị thiệt hại do sự tác động tiêu cực của sự việc, hành vi hoặc bất kỳ sự tác động nào khác. Từ điển tiếng Việt định nghĩa NBH là *người, tổ chức gánh chịu hậu quả từ bên ngoài đưa đến*⁽⁴⁾. Theo cách hiểu này, khái niệm NBH được hiểu theo nghĩa rộng, đồng nghĩa với khái niệm nạn nhân, và dùng để chỉ cả cá nhân (con người) và tổ chức – những đối tượng phải gánh chịu thiệt hại từ bên ngoài đưa đến.

Như vậy, ngôn ngữ học coi khái niệm NBH đồng nghĩa với khái niệm nạn nhân, đồng thời không phân biệt nguồn gây ra thiệt hại (thiệt hại có thể do hành vi của con người gây ra, có thể do tác động của thiên tai, có thể là do hậu quả của một sự việc, hiện tượng...), không phân biệt đó là thiệt hại về tài sản, thể chất hay tinh thần, uy tín, danh dự... Mức độ thiệt hại cũng không được định lượng hay giới hạn.

⁽³⁾ Xem: GS.TS. Võ Khánh Vinh, *Quyền con người, tiếp cận liên ngành và đa ngành khoa học xã hội*, Sách chuyên khảo, Nxb. Khoa học xã hội, 2010; và GS.TS. Võ Khánh Vinh *Quyền con người, tiếp cận liên ngành và đa ngành luật học*, Sách chuyên khảo, Nxb. Khoa học xã hội, 2011.

⁽⁴⁾ Đại từ điển tiếng Việt, Nxb. Văn hóa - Thông tin, HN. 2007, tr.1165.

2.1.2. *Tiếp cận dưới góc độ luật học so sánh*, cho thấy, pháp luật của các nước không có sự thống nhất trong việc sử dụng thuật ngữ NBH. Các nước theo hệ thống luật Common Law như Anh, Mỹ, Canada, Úc... sử dụng thuật ngữ “nạn nhân” (victims), hệ thống pháp luật của các nước thuộc hệ thống luật Civil Law như Đức, Pháp, Liên bang Nga hoặc hệ thống pháp luật của Việt Nam dùng thuật ngữ “NBH”. Bên cạnh đó, pháp luật hình sự Trung Quốc dùng thuật ngữ “người tố cáo”⁽⁵⁾. Ngoài ra, NBH còn được gọi là “bị hại”, “người bị thiệt hại”, “nạn nhân” hoặc thậm chí là “dân sự nguyên cáo” (NBH trong tố tụng dân sự).

2.1.3. *Tiếp cận dưới góc độ luật hình sự và luật tố tụng hình sự (truyền thống)*, khái niệm NBH được sử dụng phổ biến: *Người bị hại là người bị thiệt hại về thể chất, tinh thần hoặc tài sản do tội phạm gây ra*. Trường hợp bị thiệt hại do vi phạm hành chính hoặc vi phạm pháp luật dân sự gây ra thì thông thường không gọi là “người bị hại” mà dùng khái niệm “người bị thiệt hại”.

2.1.4. *Tiếp cận dựa trên quyền*, khẳng định NBH là một chủ thể của quan hệ pháp luật hình sự, quan hệ pháp luật tố tụng hình sự. Vì vậy, khái niệm NBH luôn gắn liền với quyền và nghĩa vụ pháp lý của NBH. Với phương châm, “coi trọng việc tôn trọng và đảm bảo các quyền con người là mục tiêu của phát triển”⁽⁶⁾, chúng tôi tiếp cận nghiên cứu khái niệm người bị hại dựa trên quyền như sau:

Người bị hại là người bị tội phạm gây thiệt hại về thể chất, tinh thần, tài sản và có các quyền, nghĩa vụ pháp lý được bảo đảm thực hiện theo qui định của Luật Hình sự và Luật Tố tụng hình sự Việt Nam.

2.2. Phân loại người bị hại dựa trên quyền

Cách tiếp cận truyền thống thường phân loại người bị hại thành các nhóm khác nhau, dựa vào 3 tiêu chí sau: (1) dựa vào yếu tố chủ thể, NBH được phân thành: NBH là cá nhân và NBH là pháp nhân; (2) dựa vào độ tuổi và sự phát triển về nhận thức, NBH được phân thành: NBH là người đã thành niên và có năng lực TNHS; NBH là người chưa thành niên hoặc có nhược điểm về tâm thần hoặc thể chất. (3) *dựa cơ chế tác động của hành vi phạm tội đến NBH*, phân loại thành: NBH trực tiếp, NBH gián tiếp.

Khác với cách tiếp cận phân loại truyền thống, tiếp cận dựa trên quyền phân loại NBH dựa trên 2 tiêu chí cơ bản sau:

2. 2.1. *Căn cứ vào quyền năng tố tụng của NBH*, phân loại thành NBH thành 2 nhóm: Nhóm 1: NBH có quyền yêu cầu khởi tố; Nhóm 2: NBH không có quyền yêu cầu khởi tố VAHS.

- NBH có quyền yêu cầu khởi tố vụ án hình sự là NBH trong các vụ án về các tội phạm được quy định tại Khoản 1 các điều 104, 105, 106, 108, 109, 111, 113, 121, 122, 131 và 171 của Bộ Luật hình sự.

- NBH không có quyền yêu cầu khởi tố vụ án hình sự là những NBH còn lại.

2.2.2. *Căn cứ vào ý chí của NBH trong việc tham gia vào quá trình TTHS*, phân loại thành 3 loại (3 nhóm) gồm: NBH chủ động, NBH thụ động và NBH không tham gia vào quá trình TTHS.

- *Nhóm 1: NBH chủ động.*

Họ là NBH chủ động và có nguyện vọng muốn tham gia vào quá trình TTHS để đòi lại công lý, đòi bồi thường thiệt hại cho

⁽⁵⁾ Lê Tiến Châu, người bị hại trong tố tụng hình sự, Tạp chí Khoa học pháp lý, số 1 (38)/ 2007.

⁽⁶⁾ The Overseas Development Institute (ODI), *What can we do with a Right-Based Approach to Development?* ODI Briefing Paper, London, 1999.

mình. Họ thường là người chủ động khai báo về hành vi phạm tội, có đơn yêu cầu khởi tố vụ án và tích cực tham gia vào quá trình cung cấp chứng cứ buộc tội. Các tài liệu nước ngoài thường dùng thuật ngữ “report – victim” (NBH có khai báo về hành vi phạm tội) để chỉ nhóm người này.

- *Nhóm 2: NBH thụ động.*

Nghiên cứu thực tiễn thực hiện quyền của NBH trong quá trình giải quyết VAHS, theo cách tiếp cận lấy việc thực hiện quyền của NBH làm thước đo, tác giả khảo sát thấy thực tế ở Việt Nam có một nhóm NBH có thể gọi tên là “NBH thụ động”. Họ đại diện cho trường hợp khi có tội phạm xảy ra, vì những lý do khác nhau, họ không muốn tham gia tố tụng với tư cách là NBH. Nói cách khác, họ từ chối không muốn tham gia tố tụng với tư cách là NBH. Và lúc này, đối với NBH thụ động, việc tham gia tố tụng là do nghĩa vụ chứ không phải để thực hiện quyền.

Qua khảo sát, có thể khái quát có một số loại NBH thụ động như sau:

+ *Trường hợp 1: NBH không muốn tố giác tội phạm.*

Trường hợp này thường gặp đối với các tội phạm mà người phạm tội và NBH có quan hệ gia đình, huyết thống hoặc ràng buộc về mặt tình cảm (thường gặp ở các VAHS về: các tội xâm phạm chế độ hôn nhân và gia đình, như: cưỡng ép kết hôn hoặc cản trở hôn nhân tự nguyện, tiến bộ; vi phạm chế độ một vợ, một chồng; tổ chức tảo hôn, tạo tảo hôn; tội đăng ký kết hôn trái pháp luật; tội loạn luân; tội ngược đãi hoặc hành hạ ông bà, cha mẹ, vợ chồng, con, cháu, người có công nuôi dưỡng mình và tội từ chối hoặc trốn tránh nghĩa vụ cấp dưỡng hoặc cá biệt còn gặp ở các tội hiếp dâm; cưỡng dâm; giao cấu với trẻ em; dâm ô với trẻ em).

+ *Trường hợp 2: NBH không muốn tham gia tố tụng vì sợ phải thực hiện nhiều nghĩa vụ mà quyền lợi thì không chắc chắn là được bảo đảm.*

Trường hợp này thường gặp trong các VAHS về các tội: cố ý gây thương tích, lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản. Tâm lý của NBH trong các vụ án được khảo sát tại các hồ sơ về các tội trên phản ánh tình trạng chung là NBH rất muốn che dấu tội phạm và “tự thỏa thuận”, thương lượng với người phạm tội. Nếu phải tham gia tố tụng, NBH rất miễn cưỡng vì nếu “người gây ra thiệt hại” là bị can, bị cáo không bị khởi tố và không bị tuyên án tù giam thì NBH còn có cơ hội được lấy lại tài sản. Ngược lại bị can, bị cáo đã bị tù giam thì coi như “đã đi tù là hết nợ” hoặc cũng không còn khả năng để trả nợ hoặc đền bù.

+ *Trường hợp 3: NBH kiên quyết từ chối tư cách tố tụng là NBH, họ không muốn thừa nhận mình là NBH.*

Đây là trường hợp ít gặp, nhưng có xu hướng xuất hiện ngày càng nhiều, thường là trong các vụ án lạm dụng tín nhiệm hoặc lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Ví dụ, vụ án Trần Phước Toàn phạm tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Số tiền Toàn chiếm đoạt gần 7 tỉ đồng của Ban Giải phóng mặt bằng Quận 10 được gửi tại Sacombank. Toàn đã dùng thủ đoạn giả chữ ký của Trưởng ban Ban Giải phóng mặt bằng Quận 10 để rút số tiền của Ban Giải phóng mặt bằng Quận 10 gửi tại Ngân hàng Sacombank. Vậy, Toàn chiếm đoạt tiền của ai? của Sacombank hay của Ban Giải phóng mặt bằng Quận 10? Ai được xác định là NBH trong vụ án này tức là đứng trước nguy cơ bị mất gần 7 tỉ đồng. Hoặc vụ án Nguyễn Tuấn Anh (nguyên Phó GD Chi nhánh Vàng Agribank Hà Đông) phạm tội “Lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài

sản” với số vàng tương ứng hơn 6,4 tỉ đồng. NBH được xác định trong trường hợp này là 6 cá nhân gửi vàng hay là Tổng Công ty Vàng Agribank Việt Nam? Rõ ràng khi cơ quan tiến hành tố tụng xác định tư cách NBH đồng nghĩa với việc cá nhân, tổ chức đó sẽ đứng trước nguy cơ bị mất trắng tài sản do bị cáo gần như đã mất hết khả năng chi trả vì phải chấp hành mức án tù từ 15 đến 20 năm. Và trong thực tiễn xét xử, ở trường hợp vụ án Trần Phước Toàn, NBH được Tòa phúc thẩm, Tòa án Nhân dân thành phố Hồ Chí Minh xác định là Ban Giải phóng mặt bằng Quận 10; trường hợp vụ án Nguyễn Tuấn Anh, NBH được Tòa phúc thẩm Tòa án Nhân dân thành phố Hà Nội xác định là Ngân hàng Agribank.

- *Nhóm 3: NBH không tham gia vào quá trình tố tụng hình sự.*

Đây là những trường hợp NBH ẩn (tương tự như trường hợp tội phạm ẩn). Trong thực tế, NBH ẩn thường có 2 trường hợp:

+ *Trường hợp 1:* NBH ẩn do tội phạm ẩn. NBH không khai báo hoặc tố giác tội phạm do không nhận thức được mình chính là nạn nhân của hành vi phạm tội. Để nhận thức được một hành vi gây hại cho mình có phải là tội phạm hay không cũng không phải là đơn giản. Trên thực tế, trường hợp này thường gặp đối với tội dâm ô đối với trẻ em hoặc tội buôn bán phụ nữ.

+ *Trường hợp 2:* NBH ẩn, mặc dù tội phạm vẫn bị phát hiện. Đây là trường hợp cơ quan chức năng phát hiện được tội phạm, nhưng do nhiều nguyên nhân khác nhau, NBH đã không trình báo, cơ quan chức năng không xác định được NBH. Trên thực tế, thường gặp nhất là đối với tội cướp, cướp giật hoặc trộm cắp tài sản. *Xác định tỉ lệ ẩn của tội cướp giật tài sản bằng phương pháp phân tích 220 bản án, cho thấy có 314*

bị cáo đã khai họ thực hiện hành vi cướp giật tài sản tổng cộng khoảng 2500 vụ nhưng chỉ bị đưa ra xét xử khoảng gần 1200 vụ, còn lại khoảng 1300 vụ không bị đưa ra xét xử. Mặc dù bị can khai rõ địa điểm, thời gian thực hiện phạm tội nhưng Cơ quan điều tra không tìm thấy người bị hại và người bị hại cũng không đến trình báo tại cơ quan Công an.⁽⁷⁾

2.3. Quyền của người bị hại, Chủ thể của quyền, Nghĩa vụ thực thi quyền và Cơ chế bảo đảm quyền

2.3.1. Khái niệm quyền của NBH

Theo định nghĩa của Liên hợp quốc: *Quyền là mối quan hệ giữa một cá nhân (hoặc một nhóm các cá nhân) được yêu cầu chính đáng đối với một cá nhân (hoặc một nhóm cá nhân) khác có nghĩa vụ hoặc trách nhiệm liên quan tới yêu cầu đó. Trong mối quan hệ này, cá nhân đầu tiên là bên có quyền (chủ thể mang quyền - right holders) và cá nhân thứ hai là bên có nghĩa vụ (chủ thể có nghĩa vụ - duty bearers)*⁽⁸⁾. Quyền bao gồm: Quyền đạo đức, quyền theo hợp đồng, quyền theo qui định của pháp luật và quyền con người.

Quyền của NBH (hay diễn đạt đầy đủ là quyền của NBH trong tố tụng hình sự) hiểu một cách khái quát nhất, chính là sự cụ thể hóa các quyền con người trong lĩnh vực tư pháp hình sự được qui định dành cho NBH khi họ tham gia vào các mối quan hệ pháp luật tố tụng hình sự. Đây còn được coi là một tiêu chuẩn về nhân quyền trong tư pháp hình sự.

Ở Việt Nam, khái niệm quyền của NBH trong tố tụng hình sự là một khái niệm

⁽⁷⁾ Đặng Thuý Quỳnh, “Đấu tranh phòng, chống tội cướp giật tài sản ở nước ta hiện nay”, Luận án tiến sĩ luật học, Học viện Khoa học xã hội, 2013, tr. 36.

⁽⁸⁾ Phương pháp tiếp cận dựa trên quyền, tài liệu tập huấn của LHQ cho cán bộ UNDP.

mới, chưa được định nghĩa trong các hệ thống sách giáo khoa hay các công trình nghiên cứu khoa học về quyền con người nói chung hay về quyền con người trong tố tụng hình sự nói riêng. Mặc dù, đến thời điểm hiện tại, đã có một số khái niệm về quyền con người trong tố tụng hình sự, nhưng chỉ chủ yếu tập trung và nhấn mạnh đến quyền của người bị buộc tội, mà chưa đề cập hoặc quan tâm đúng mức đến khái niệm quyền của NBH. Qua nghiên cứu, tác giả đưa ra khái niệm quyền của NBH trong tố tụng hình sự như sau:

Quyền của NBH trong tố tụng hình sự là những quyền con người được dành cho người bị thiệt hại do tội phạm gây ra khi họ tham gia vào các quan hệ pháp luật tố tụng hình sự.

Khác với quyền con người nói chung, quyền của NBH trong TTHS là quyền phái sinh. Nghĩa là các quyền này chỉ phát sinh khi và chỉ khi đồng thời thỏa mãn 2 điều kiện: (1) Khi họ (cá nhân hoặc pháp nhân) bị hành vi tội phạm gây thiệt hại và họ tham gia (chủ động hoặc bị động) vào quá trình TTHS.

2.3.2. Chủ thể của quyền

Chủ thể của quyền được xác định là NBH và những người có các quyền của NBH, bao gồm:

- NBH: Là người bị hành vi tội phạm trực tiếp gây thiệt hại, được cơ quan tiến hành tố tụng công nhận là NBH.

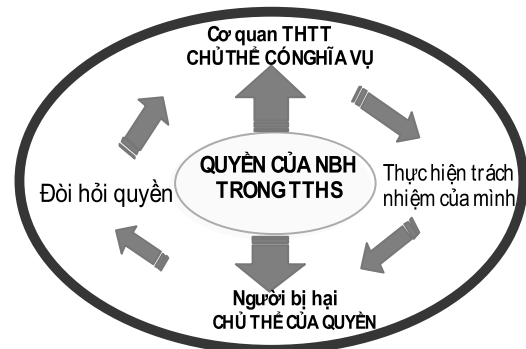
- Người đại diện hợp pháp của NBH là người chưa thành niên, người có nhược điểm về tâm thần hoặc thể chất (sau đây gọi tắt là người đại diện hợp pháp của NBH).

2.3.3. Nghĩa vụ thực thi quyền

Tiếp cận nghiên cứu quyền của NBH dựa trên cơ sở quyền con người xác định: Quyền của NBH trong tố tụng hình sự chính là mối quan hệ pháp lý, trong đó NBH được yêu cầu chính đáng đối với

người tiến hành tố tụng hoặc đối với cơ quan tiến hành tố tụng, nhằm thực hiện một trách nhiệm liên quan tới việc thực hiện quyền của NBH. Ví dụ, khi qui định NBH có quyền được biết kết quả điều tra, đồng nghĩa với việc qui định trách nhiệm của cơ quan điều tra phải gửi hoặc tống đạt, hoặc thông báo bản kết luận điều tra vụ án hình sự tới cho NBH.

Xuất phát từ cách tiếp cận đó, khi nghiên cứu về chủ thể có quyền (ai là NBH và NBH có quyền gì) luôn phải đặt trong mối quan hệ tương ứng: vậy ai là chủ thể có nghĩa vụ và phải thực hiện nghĩa vụ gì? Vậy nên, trong mối quan hệ giữa quyền và nghĩa vụ thực thi quyền luôn theo mô hình sau: Bên có quyền chính là NBH (chủ thể của quyền), phía có nghĩa vụ thực thi các quyền đó cho NBH (chủ thể có nghĩa vụ) chính là cơ quan tiến hành tố tụng (Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Tòa án).



Sơ đồ: Mối quan hệ giữa Cơ quan THTT (chủ thể có nghĩa vụ) và NBH (Chủ thể của quyền)

Nghĩa vụ thực thi quyền có thể chia làm 3 loại (mức độ) khác nhau, gồm: Nghĩa vụ tôn trọng, nghĩa vụ thi hành và nghĩa vụ bảo đảm.

Nghĩa vụ tôn trọng, đòi hỏi cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng phải hiểu rõ về các quyền của NBH và kiểm chế không can thiệp vào việc thụ

hưởng quyền của NBH. Ví dụ, đối với các tội được qui định tại K.1-Đ.105 BLTTHS, cơ quan tiến hành tố tụng chỉ được khởi tố khi có yêu cầu của NBH, và trong suốt quá trình tiến hành tố tụng, NBH có thể rút đơn yêu cầu khởi tố bất cứ lúc nào và vụ án sẽ được đình chỉ.

Nghĩa vụ thi hành, đòi hỏi Nhà nước phải phân công chủ thể có nghĩa vụ thi hành các chiến lược hoặc biện pháp, hành động cụ thể để thực thi quyền đó. Ví dụ, NBH có quyền trình bày ý kiến, tranh luận tại phiên tòa, nhưng trên thực tế trong phiên tòa xét xử, về phía chủ tọa phiên tòa, “thường chỉ quan tâm đến việc đối đáp giữa Kiểm sát viên với Người bào chữa và Bị cáo, còn đối với người khác rất ít được quan tâm”⁽⁹⁾.

Nghĩa vụ bảo đảm, đòi hỏi Nhà nước phải chủ động đưa ra những biện pháp, những sáng kiến trong xây dựng thể chế, pháp luật, cơ chế, nhằm ngăn chặn sự vi phạm các quyền đó. Trước đây, việc thực hiện quyền được thông báo kết quả giải quyết tin báo, tố giác về tội phạm của NBH rất ít được quan tâm thực hiện. Chưa có qui định về cơ chế thực hiện như: thời hạn giải quyết tố giác tội phạm là bao lâu? Ai sẽ phải trả lời cho NBH? Trả lời bằng hình thức gì? Thông tư liên tịch số 06/2013 hướng dẫn thi hành qui định của Bộ Luật Tố tụng hình sự về tiếp nhận, giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố là một ví dụ điển hình trong nỗ lực của Nhà nước, nhằm thực hiện nghĩa vụ bảo đảm quyền của NBH.

2.2.4. Cơ chế bảo đảm quyền

Cơ chế bảo đảm quyền của NBH trong tố tụng hình sự (crime victims' rights mechanism) là khái niệm dùng để chỉ các cơ quan chuyên trách, các hệ thống qui tắc, thủ tục và qui định của pháp luật có liên quan được thiết lập để thúc đẩy, bảo

vệ quyền của NBH (nạn nhân) trong các vụ án hình sự.⁽¹⁰⁾

- Cơ chế quốc tế

Tuyên ngôn về các nguyên tắc cơ bản của tư pháp hình sự về nạn nhân của tội phạm và lạm dụng quyền lực (29/11/1985) và Tuyên bố về các nguyên tắc và hướng dẫn cơ bản về việc đền bù và bồi thường cho nạn nhân bị xâm phạm nghiêm trọng quyền con người (2006) là hai văn bản pháp lý quan trọng làm nên cơ chế pháp lý bảo vệ quyền của NBH ở cấp quốc tế. Các cơ quan chuyên trách bảo vệ quyền của NBH ở cấp độ quốc tế gồm: Tòa hình sự quốc tế (ICC), Thủ tục đặc biệt, Chương trình bồi thường nạn nhân, Tổ chức nạn nhân học thế giới WSV và Trung tâm Nghiên cứu và lưu trữ thông tin về nạn nhân.

- Cơ chế khu vực

+ Cơ chế Châu Mỹ:

Các nhà hoạt động về nhân quyền Châu Mỹ là những người đầu tiên lên tiếng bảo vệ quyền của người bị hại, nạn nhân và nhân chứng trong các vụ án hình sự (1970). Sau đó, tại Mỹ, quyền của người bị hại đã được khẳng định như là một quyền hiến định vào năm 1982⁽¹¹⁾ với Bộ luật đầu tiên về quyền của người bị hại – The Victim Rights Act. Tòa án quyền con người Châu Mỹ thực hiện hai chức năng xét xử và tư vấn, và ở cả hai bộ máy này đều có Ủy ban tiếp nhận thông tin và bảo vệ người bị hại, nạn nhân, nhân chứng.

⁽⁹⁾ Võ Thị Kim Oanh (2008), Xét xử sơ thẩm trong TTHS Việt Nam, Luận án tiến sĩ luật học.

⁽¹⁰⁾ Đinh Thị Mai (2011), “Cơ chế quốc tế và khu vực về bảo vệ quyền của người bị hại”, Tạp chí Nhà nước và Pháp luật, (số 4/2012), tr. 36.

⁽¹¹⁾ <http://www.ncvc.org/ncvc/main.aspx?dbName=DocumentViewer&DocumentID=32463>: The first public call for a crime victims' rights constitutional amendment was in 1982, when a nine-member task force appointed by President Ronald Reagan recommended that the Sixth Amendment of the U.S. Constitution be augmented to include the rights of crime victims.

Trong suốt quá trình thụ lý vụ án, các nạn nhân, nhân chứng đều được đặt dưới sự bảo vệ tối đa, họ được tư vấn để có được sự bồi thường từ phía người phạm tội hoặc có thể là những bồi thường từ phía nhà nước cho các tổn thất mà họ phải gánh chịu.

+ Cơ chế Châu Âu:

Về văn bản pháp lý: *Công ước Châu Âu về vai trò, vị trí của người bị hại trong tố tụng hình sự (2001)* và *Chỉ thị về bồi thường nhà nước cho các nạn nhân của tội phạm (2001)* là hai văn bản pháp lý quan trọng nhất trong hệ thống pháp luật về quyền của NBH ở Châu Âu. Về bộ máy chuyên trách nòng cốt là Tổ chức hỗ trợ nạn nhân Châu Âu (VSE), Victim Support Europe, (<http://www.victimsupporteurope.eu>), được thành lập năm 1990. Hỗ trợ nạn nhân Châu Âu là một mạng lưới của 26 Tổ chức Phi chính phủ hỗ trợ nạn nhân tại 21 nước Châu Âu. Mục đích chính của tổ chức VSE là cung cấp thông tin và hỗ trợ các nạn nhân của tội phạm. Tổ chức này cũng đóng vai trò chính trong thúc đẩy việc thành lập và phát triển các quyền của nạn nhân và các dịch vụ hỗ trợ nạn nhân trên khắp Châu Âu. Ngoài ra, các Văn phòng hỗ trợ nạn nhân tại Úc, Bỉ, Đan Mạch, Pháp, Anh, Hungari, Tây Ban Nha... là những nhân tố tích cực.

+ Cơ chế Châu Á:

Châu Á là châu lục lớn nhất, với số dân chiếm 1/2 thế giới, nhưng lại là châu lục duy nhất chưa thiết lập được cơ chế bảo vệ quyền con người nói chung, chưa có một cơ chế riêng bảo vệ quyền của NBH. Tuy nhiên, riêng ASEAN (gồm 10 quốc gia thành viên) đã thành lập được cơ chế khu vực đầu tiên bảo vệ và thúc đẩy quyền con người với tên gọi Ủy ban Nhân quyền liên chính phủ (AICHR) và Ủy ban thúc đẩy và bảo vệ quyền phụ nữ và trẻ em ASEAN (ACWC).

Ở Việt Nam, tại Nghị quyết 44/ CT-TW

(20/7/2010) “về vấn đề nhân quyền trong tình hình mới” cũng chỉ mới bắt đầu xác định nhiệm vụ xây dựng và kiện toàn cơ quan Chỉ đạo về Nhân quyền ở Trung ương, kiện toàn Ban Chỉ đạo về Nhân quyền của Chính phủ, Văn phòng thường trực và Ban Chỉ đạo về nhân quyền của các địa phương, nhằm bảo đảm và thúc đẩy quyền con người nói chung.

Vì vậy, một cơ chế cũng như bộ máy, cơ quan chuyên trách về bảo vệ quyền của người bị hại thực tế chưa được đề cập đến hay có chủ trương xây dựng, thành lập ở Việt Nam tính đến thời điểm hiện tại. Tuy nhiên, với sự kiện Việt Nam trúng cử vào Hội đồng Nhân quyền Liên hợp quốc (Tháng 11 năm 2013), cùng với các việc nghiên cứu và thúc đẩy bảo vệ quyền con người như hiện nay, hy vọng trong nhiệm kỳ lần này, chúng ta sẽ có những bước tiến quan trọng để tiến tới có thể thành lập một cơ quan chuyên trách về nhân quyền độc lập ở Việt Nam.

4. Kết luận

Tiếp cận dựa trên quyền là một phương pháp tiếp cận mới. Các ứng dụng về phương pháp tiếp cận này đã gợi mở một cách nhìn mới trong việc nghiên cứu về người bị hại và quyền của người bị hại trong tố tụng hình sự với các kết luận đáng lưu ý sau:

Thứ nhất, khái niệm về NBH theo cách tiếp cận dựa trên quyền: *Người bị hại là người bị tội phạm gây thiệt hại về thể chất, tinh thần, tài sản và có các quyền, nghĩa vụ pháp lý được bảo đảm thực hiện theo qui định của luật hình sự và Luật Tố tụng hình sự Việt Nam.*

Thứ hai, khái niệm về quyền của NBH theo cách tiếp cận dựa trên quyền: *Quyền của NBH trong tố tụng hình sự là những quyền con người được dành cho người bị thiệt hại do tội phạm gây ra khi họ tham*

gia vào các quan hệ pháp luật tố tụng hình sự.

Thứ ba, tiếp cận dựa trên quyền phân loại NBH dựa trên hai tiêu chí cơ bản: Căn cứ vào quyền năng tố tụng của NBH phân loại NBH thành: nhóm NBH có quyền yêu cầu khởi tố VAHS và nhóm NBH không có quyền yêu cầu khởi tố VAHS; dựa vào ý chí của NBH trong việc tham gia tố tụng phân loại thành: nhóm NBH chủ động, nhóm NBH thụ động và nhóm NBH không tham gia vào quá trình TTHS.

Thứ tư, tiếp cận dựa trên quyền khẳng định: Cơ quan THTT và người THTT chính là chủ thể có nghĩa vụ thực thi quyền của NBH. Trong mỗi quan hệ pháp lý thì bên có quyền chính là NBH (chủ thể mang quyền), phía có nghĩa vụ thực thi các quyền đó cho NBH (chủ thể có nghĩa vụ) chính là cơ quan tiến hành tố tụng (Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Tòa án). NBH được yêu cầu chính đáng đối với người tiến hành tố tụng và với cơ quan tiến hành tố tụng, nhằm thực hiện các trách nhiệm liên quan tới việc thực hiện quyền của NBH. Nghĩa vụ thực thi quyền được chia làm 3 loại (mức độ) khác nhau, gồm: nghĩa vụ tôn trọng, nghĩa vụ thi hành và nghĩa vụ bảo đảm.

Thứ năm, cơ chế bảo đảm quyền của NBH trong tố tụng hình sự là khái niệm dùng để chỉ các cơ quan chuyên trách, các hệ thống qui tắc, thủ tục và qui định của pháp luật có liên quan được thiết lập để thúc đẩy, bảo vệ quyền của NBH.

Ở Việt Nam, cơ chế bảo đảm quyền của NBH chưa có chủ trương thành lập. Tuy nhiên, sự kiện Việt Nam trúng cử vào Hội đồng Nhân quyền Liên hợp quốc (tháng 11 năm 2013) cùng với việc đẩy mạnh phong trào nghiên cứu về quyền con người như hiện nay, đã mở ra triển vọng tích cực trong bảo đảm, thúc đẩy và phát triển quyền con

người nói chung, quyền của NBH nói riêng ở Việt Nam trong tương lai gần.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Quốc hội (2013), Hiến pháp 2013 (bản Dự thảo được Quốc hội thông qua ngày 28/11/2013) và Nghị quyết 64/2013/QH13 hướng dẫn Hiến pháp 2013.
2. Quốc hội (2003), *Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2003*.
3. Lê Tiến Châu (2007), “NBH trong tố tụng hình sự”, *Tạp chí Khoa học pháp lý*, (số 1/38).
4. Liên Hợp Quốc (2013), Phương pháp tiếp cận dựa trên quyền, Tài liệu tập huấn cho cán bộ UNDP.
5. Đinh Thị Mai (2011), “Cơ chế quốc tế và khu vực về bảo vệ quyền của NBH”, *Tạp chí Nhà nước và Pháp luật*, (số 4/2012).
5. Đặng Thuý Quỳnh, “Đấu tranh phòng, chống tội cướp giật tài sản ở nước ta hiện nay”, Luận án Tiến sĩ Luật học, Học viện KHXH, 2013, tr. 36.
6. Trần Hữu Tráng (2011), *Nạn nhân của tội phạm*, Nxb. Giáo dục Việt Nam, Hà Nội.
7. Võ Khánh Vinh (2010), *Quyền con người: Tiếp cận đa ngành và liên ngành luật học*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
8. Võ Khánh Vinh (2010), *Quyền con người: Tiếp cận đa ngành và liên ngành khoa học xã hội*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
9. Viện nhà nước và pháp luật (1994), *Tội phạm học, luật hình sự và luật tố tụng hình sự Việt Nam*, Nxb chính trị quốc gia, Hà Nội.
10. The Overseas Development Institute (ODI), *What can we do with a Right-Based Approach to Development?* ODI Briefing Paper, London, 1999.
11. <http://www.ncvc.org/ncvc/main.aspx?dbName=DocumentViewer&DocumentID=32463>, 22h ngày 21/07/2013.